TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 09/12/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Tuấn;

Các Thẩm phán: ông Lê Thanh Hoàng;

ông Hoàng Ngọc Linh.

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Huỳnh Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2022/HNGĐ-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang bị kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 18/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01/11/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐ-PT ngày 04/11/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐ-PT ngày 23/11/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1991; nơi cư trú:, xã ĐM, huyện TS, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt, đơn đề ngày 22/11/2022).

- *Bị đơn:* anh Lê Thành K, sinh năm 1982; nơi cư trú: huyện CT, tỉnh An Giang; nơi ở tạm hiện nay: phường TG, thành phố TA, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người kháng cáo: anh Lê Thành K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh K tự tìm hiểu, quen nhau mới đi đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/4/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, gần đây

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã, có lúc anh K đánh chị, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mặc dù chị đã cố gắng duy trì cuộc sống để lo cho 02 con. Chị đã cho anh K nhiều cơ hội nhưng anh K vẫn không thay đổi tính tình. Từ tháng 11/2021 chị bỏ nhà đi cho đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn với anh K.

- Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Lê TH, sinh ngày 06/9/2011 và Lê GP, sinh ngày 15/7/2015. Hiện cháu TH đang sống với ông bà nội, cháu GP đang sống với anh K. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con chung cho anh K chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng với điều kiện anh K phải tạo điều kiện cho chị tới lui thăm nom, chăm sóc con, chị không cấp dưỡng nuôi hai con.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thành K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị H trình bày. Anh và chị H quen biết mới tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HBT, huyện CT vào năm 2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng gần 01 năm nay giữa anh và chị H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh có rượu nóng giận dẫn đến vợ chồng cãi vã, đôi lúc anh có đánh vợ, anh thừa nhận có nhậu với bạn bè, không quan tâm chăm lo vợ và con. Việc đánh vợ xảy ra đã lâu, từ đó về sau anh không còn đánh chị H, anh đã biết lỗi và hứa sau này không đánh vợ nữa. Tháng 11/2021 chị H bỏ trốn khỏi nhà, anh đi tìm nhiều nơi không gặp. Anh đã biết lỗi xin chị H tha thứ, anh không đồng ý ly hôn, anh mong chị H cho anh được cơ hội được đoàn tụ để chăm lo gia đình nhiều hơn, vợ chồng cùng nhau chăm sóc cho hai con.

- Về quan hệ con chung: thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Lê TH, sinh ngày 06/9/2011 và Lê GP, sinh ngày 15/7/2015. Hiện cháu TH đang sống với ông bà nội, cháu GP đang sống với anh. Nếu chị H cương quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con. Tuy nhiên anh vẫn tạo điều kiện để vợ tới lui chăm sóc các con, bằng chứng là mỗi lần hòa giải anh đều dắt hai con đến gặp vợ để vợ thay đổi suy nghĩ về sống với anh và các con.

- Về tài sản chung và nợ chung: thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2022/HNGĐ-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Thành K.

Về quan hệ con chung: anh Lê Thành K được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê TH, sinh ngày 06/9/2011 và Lê GP, sinh ngày 15/7/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung do anh K không yêu cầu.

Anh K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Lê TH và Lê GP.

Nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh K thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2022 bị đơn anh Lê Thành K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm và xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, lý do anh K yêu cầu hủy án vì cho rằng anh đi làm ăn hiện tạm trú tại phường TG, thành phố TA, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân huyện CT xét xử là không đúng thẩm quyền và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Anh có nguyện vọng muốn đoàn tụ với chị H, anh K xác định không cung cấp thêm chứng cứ mới. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị H đồng ý theo quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của anh K. Do chị H xin vắng mặt nên anh K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về tố tụng, anh K có địa chỉ cư trú tại huyện CT, tỉnh An Giang. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử anh K đều có mặt. Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh K kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang giải quyết sai thẩm quyền là không có căn cứ.

Chị H và anh K tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 22/4/2011. Quá trình chung sống hạnh phúc, gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, có lúc anh K đánh chị H, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, chị đã cố gắng duy trì cuộc sống để lo cho 02 con và cho anh K nhiều cơ hội nhưng anh K vẫn không thay đổi tính, đã ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay, chị H yêu cầu được ly hôn với anh K, anh K xin đoàn tụ với chị H. Nhưng từ khi ly thân đến nay, anh K không có giải pháp hàn gắn và chị H kiên quyết xin ly hôn. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh K là có căn cứ. Anh K kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ thể hiện chị H đồng ý đoàn tụ với anh nên không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 07/9/2022 Tòa sơ thẩm tuyên án, ngày 15/9/2022 bị đơn anh Lê Thành K có đơn kháng cáo trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên được chấp nhận để xét xử theo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Thanh H không kháng cáo, ngày 22/11/2022 chị H có đơn xin vắng mặt khi xét xử phúc thẩm (dấu công văn đến số 1704/2022 ngày 24/11/2022), việc xin vắng mặt của chị H phù hợp tố tụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tài liệu, chứng cứ trong vụ án thể hiện tại sổ hộ khẩu 010436159 ngày 10/02/2017 thì anh Lê Thành K đăng ký hộ khẩu tại huyện CT, tỉnh An Giang (BL03-09), giấy chứng minh nhân dân của anh K cũng thể hiện anh đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện CT, tỉnh An Giang (BL15), Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh với chị H cũng chứng minh anh đăng ký hộ khẩu tại huyện CT, tỉnh An Giang (BL12), nên Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm vụ án này theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H không vi phạm tố tụng, đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của anh K yêu cầu hủy án sơ thẩm và xin đoàn tụ thì thấy:

Anh K, chị H xây dựng hôn nhân trên cơ tự nguyện, cả hai chung sống với nhau từ năm 2009, có tổ chức đám và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Lê TH, sinh ngày 06/9/2011 và cháu Lê GP, sinh ngày 15/7/2015, cháu TH đang sống với ông bà nội (cha mẹ anh K), cháu GP đang sống với anh K. Về tài sản chung, nợ chung, anh K, chị H

tự nguyện thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chứng cứ trong vụ án thể hiện cuộc sống chung của anh K, chị H thực tế không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, anh K thừa nhận có đánh chị H. Từ tháng 11/2021 chị H bỏ nhà đi và không chung sống với anh K và ly thân cho đến nay. Mục đích hôn nhân của anh K, chị H thực tế không còn trong quan hệ vợ chồng, tuy anh K có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng chị H cương quyết xin ly hôn, anh K không có giải pháp thiết thực cho việc đoàn tụ. Theo đó trong thời kỳ hôn nhân cả hai có 02 con chung như đã nêu trên, hiện tại cháu Lê TH và cháu Lê GP đang có cuộc sống, sinh hoạt ổn định với bà nội (mẹ anh K) và anh K, nên nguyện vọng của anh K xin được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, chị H đồng ý theo nguyện vọng và yêu cầu của anh K về con chung là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử cho chị H ly hôn với anh K, giao 02 con chung là cháu Lê TH và cháu Lê GP tiếp tục sống với anh K theo nguyện vọng của anh K, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung do các đương sự tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét, là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay anh K có nguyện vọng xin đoàn tụ, nhưng anh không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh. Tài liệu trong vụ án thể hiện anh có hành vi đánh chị H, chị H không đồng ý đoàn tụ, chị H cương quyết ly hôn với anh, nên Hội đồng xét xử không có cở sở xem xét nguyện vọng xin đoàn tụ của anh K.

[2.2] Anh K kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm anh K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng và giải quyết vụ án không đúng thẩm quyền nên không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, sổ hộ khẩu 010436159 ngày 10/02/2017 thể hiện anh Lê Thành K đăng ký hộ khẩu tại huyện CT, tỉnh An Giang (BL03-09), giấy chứng minh nhân dân của anh K cũng thể hiện anh đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện CT, tỉnh An Giang (BL15), giấy chứng nhận kết hôn giữa anh với chị H cũng chứng minh anh đăng ký hộ khẩu tại huyện CT, tỉnh An Giang (BL12), chỗ ở tạm hiện nay của anh K tại phường TG, thành phố TA, tỉnh Bình Dương chỉ là nơi anh đi làm ăn, anh K chưa chuyển hộ khẩu về thành phố TA, tỉnh Bình Dương theo quy định pháp luật, nên Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang xét xử vụ án này theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H (vợ anh) là không vi phạm tố tụng, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó không có căn cứ chấp kháng cáo của anh K yêu cầu hủy án sơ thẩm, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với pháp luật.

[3] Về án phí: kháng cáo của anh K không được chấp nhận nên anh K phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, phúc xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Thành K.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 117/2022/HNGĐ-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Thành K (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33/KH-HBT, Quyển số 01/2011 ngày 22/4/2011 của Uỷ ban nhân dân xã HBT, huyện CT, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý).

2. Về quan hệ con chung: anh Lê Thành K được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê TH, sinh ngày 06/9/2011 và Lê GP, sinh ngày 15/7/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung do anh K không yêu cầu.

Anh K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Lê TH và Lê GP.

Nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh K thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003004 ngày 08/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh An Giang.

5. Về án phí phúc thẩm: anh Lê Thành K phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

theo biên lai số 0003771 ngày 30/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- UBND xã HBT, huyện CT;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tuấn